

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN MINH HẢI
(SEA MINH HAI)**

*Km 2231 QL1A-Tân Phong-Gia Rai-Bạc Liêu
ĐT: 0781.3846810 Fax: 0781.3846706*

**NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2013**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công Ty CPTS Minh Hải

Hội Đồng Quản trị Công Ty CPTS Minh Hải dự kiến chương trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 với nội dung sau:

Thời gian	NỘI DUNG
7:45 – 8:30	<ul style="list-style-type: none">- Tiếp đón khách mời, đại biểu, cổ đông- Nhận tài liệu
8:30 – 8:45	<u>PHẦN KHAI MẠC</u> <ul style="list-style-type: none">- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu- Xác nhận tư cách pháp lý của Đại hội- Giới thiệu Chủ toạ đoàn, Ban Thư Ký, Ban kiểm phiếu- Thông qua chương trình Đại hội
8:45 – 12:00	<u>PHẦN NỘI DUNG</u> <ul style="list-style-type: none">- Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị- Báo cáo kết quả SXKD năm 2012 và kế hoạch SXKD 2013- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012;- Tờ trình phân phối lợi nhuận; chi cổ tức năm 2012- Báo cáo của Ban Kiểm Soát- Chi trả thù lao HĐQT và BKS 2012 và KH chi trả thù lao 2013- Báo cáo kết quả tăng vốn điều lệ từ 56 tỷ lên 81 tỷ- Tờ trình về việc tăng vốn điều lệ từ 81 tỷ lên 121 tỷ- Ý kiến đóng góp; thảo luận và biểu quyết- Bầu cử HĐQT và BKS<ul style="list-style-type: none">+ Thông qua quy chế bầu cử+ Công bố danh sách ứng cử và HĐQT và BKS+ Phát phiếu bầu, bầu cử- Giải lao

	<ul style="list-style-type: none"> - Công bố kết quả bầu cử và phiếu biểu quyết - HDQT họp phiên đầu tiên để bầu Chủ tịch, PCT HDQT. - BKS họp phiên đầu tiên để bầu trưởng ban - Công bố Chức danh CT, phó CT và trưởng BKS - HDQT và BKS mới ra mắt đại hội; phát biểu ý kiến - Thông qua biên bản đại hội - Thông qua Nghị Quyết đại hội - Bế mạc Đại hội
	Mời cơm thân mật cỗ đông, đại biểu, khách mời

QUY CHẾ**BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2013
(Tổ chức ngày 12 tháng 4 năm 2013)**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2005 và Điều lệ Công ty, Ban tổ chức Đại hội Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Hải ban hành Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

Điều 1 Nguyên tắc bầu cử:

- 1.1. Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; đảm bảo dân chủ, công bằng;
- 1.2. Bầu cử trực tiếp bằng phương thức bầu dồn phiếu.

Điều 2 Mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông tham dự có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông vào thời điểm bầu cử có số phiếu bầu bằng số cổ phần có quyền biểu quyết **nhân (x)** với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc đại diện cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Điều 3 Số lượng thành viên, tiêu chuẩn ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ của Công ty.

Điều 4 Danh sách ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được lập trên cơ sở đề cử của các cổ đông hoặc ứng cử của cá nhân cổ đông. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải thực hiện bằng văn bản gửi cho Ban tổ chức ba (03) ngày trước khi diễn ra Đại hội.

Điều 5 Phiếu bầu có ghi tên ứng cử viên bầu vào thành viên Hội đồng quản trị (Ban kiểm soát) và Mã số cổ đông, số Cổ phần có quyền biểu quyết, số Phiếu bầu mà cổ đông sở hữu hoặc đại diện. Cổ đông, đại diện cổ đông khi nhận được phiếu bầu phải kiểm tra Mã số và số cổ phần có quyền biểu quyết ghi trên phiếu, nếu có sai sót thì phải thông báo cho Ban Tổ chức để điều chỉnh. Khi tiến hành bầu cử, mỗi Phiếu bầu được bầu số thành viên Hội đồng quản trị tối đa là năm (05) người, số thành viên Ban kiểm soát tối đa là ba (03) người.

Điều 6 Những phiếu sau đây được xem là không hợp lệ và không có giá trị bầu cử:

- 6.1. Phiếu bầu không phải do Ban Bầu cử phát hành;

- 6.2. Phiếu bầu có dấu hiệu tẩy, sửa nội dung (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới và hủy phiếu cũ);
- 6.3. Phiếu bầu có số người được bầu vượt quá số tối đa theo quy định;
- 6.4. Phiếu bầu mà cổ đông gạch bỏ tất cả các ứng cử viên;
- 6.5. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội thông qua.

Điều 7 Việc tổ chức bầu cử do Ban Bầu cử thực hiện. Việc kiểm phiếu phải được thực hiện ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Sau đó, Ban bầu cử lập Biên bản kiểm phiếu và công bố công khai kết quả kiểm phiếu trước toàn thể Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8 Những ứng cử viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

Trường hợp số ứng cử viên trúng cử nhiều hơn số tối đa theo quy định do có nhiều ứng cử viên đạt tỷ lệ số phiếu chấp thuận bằng nhau thì Đại hội đồng cổ đông biểu quyết trực tiếp đối với những người đó.

Điều 9 Công bố kết quả kiểm phiếu:

- 9.1. Ban bầu cử và kiểm phiếu lập Biên bản kiểm phiếu, Trưởng ban đọc Báo cáo kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.
- 9.2. Chủ tọa tuyên bố những ứng cử viên trúng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và tuyên bố các ứng cử viên này đã được lựa chọn một cách hợp lệ.
- 9.3. Phiếu bầu cử xong phải niêm phong và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Trường hợp có văn đề cần kiểm tra lại, phải có đại diện Ban kiểm soát, Ban bầu cử và kiểm phiếu, đại diện cổ đông khi mở niêm phong và thông qua bằng văn bản để lưu giữ.

**TM. BAN TỔ CHỨC
TRƯỞNG BAN**

.....

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG 2013

PHẦN I

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2012

I. BỐI CẢNH:

Năm 2012 ngành thủy sản thế giới nói chung và Việt Nam có nhiều khó khăn. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới vẫn còn kéo dài, và khủng hoảng nợ công ở khối EU vẫn còn ảnh hưởng nặng nề, ảnh hưởng đến các thị trường tiêu thụ chính của mặt hàng tôm (Mỹ, Nhật Bản và châu Âu).

Trong năm 2012 Nhật Bản đã nhập 260.207 tấn tôm, giảm 8,26% so năm trước đó. Mỹ nhập 576.958 tấn, giảm 8% so 2011, còn EU trong 9 tháng đầu năm 2011 giá trị nhập tôm đã giảm đến 29% so cùng kỳ năm trước đó (3,1 tỉ so 4,5 tỉ USD).

Việt Nam trong năm qua đã xuất được 2.23 tỉ USD, giảm 6,6% so cùng kỳ và chỉ đạt được gần mức kế hoạch đề ra.

Xu hướng thay đổi trong cơ cấu tôm sú và thẻ vẫn tiếp tục, tôm sú giảm 3,9% về sản lượng đạt 476.424 tấn, trong khi tôm sú tăng 3,2% so cùng kỳ năm trước, đạt 177.817 tấn. Dự kiến xu hướng này vẫn sẽ còn tiếp tục trong những năm tới đây.

Tình hình kinh tế trì trệ trên còn bị ảnh hưởng thêm bởi rào cản kỹ thuật (Nhật kiểm soát chặt Ethoxyquin, trong thời gian gần đây họ phát hiện aga trong tôm Việt Nam làm cho mua bán tôm sú vỏ với thị trường này gần như đình trệ).

Dịch bệnh tại Việt Nam vẫn xảy ra tại nhiều khu vực, trong khi đó Thái Lan bị dịch tôm chết sớm EMS làm ảnh hưởng nặng nề đến sản lượng của họ. Ảnh hưởng của các dịch bệnh này làm cuối năm 2012 nguồn cung cấp tôm bị thiếu hụt, đẩy giá nguyên liệu của Việt Nam lên cao. Nhiều nhà máy phải nhập tôm nguyên liệu nước ngoài về chế biến để trả đơn hàng đã ký cũng như duy trì hoạt động và trả lương cho công nhân.

Trong bối cảnh đó Công ty Cổ phần Thuỷ sản Minh Hải cố gắng ổn định sản xuất bằng cách huy động nguồn nguyên liệu cho các xí nghiệp sản xuất phục vụ các đơn hàng truyền thống của công ty, tăng tỷ trọng hàng giá trị gia tăng, tiết giảm chi phí sản xuất, chú trọng việc lành mạnh công tác tài chính của đơn vị.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2012

A. Kết quả thực hiện

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2012		THỰC HIỆN 2011	SO SÁNH (%)	
			KH	TH		KH	CÙNG KỲ
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.375	1.153	1.363	83.8	84.6
2	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	66	55	65	83.3	84.6
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	20	12.95	14.85	64.75	87.20
4	Cổ tức	%/năm	18	18	18	100	100

B. Nhận xét và đánh giá kết quả SXKD năm 2012

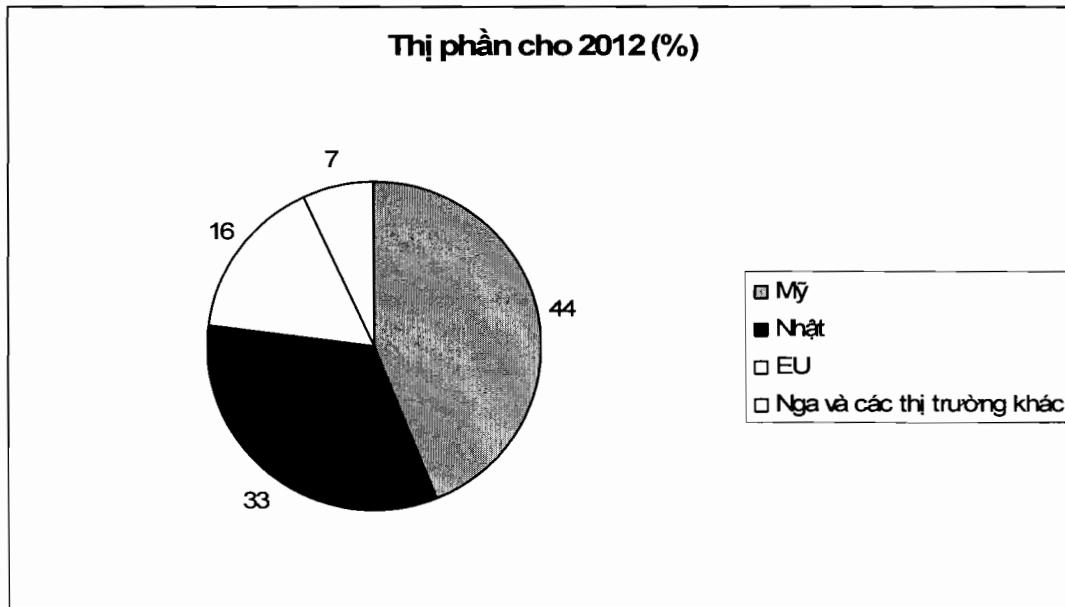
Năm 2012 công ty đã không đạt các chỉ tiêu về sản lượng chế biến và doanh số xuất khẩu và lợi nhuận. Các nguyên nhân chính tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 như sau:

1. Tình hình tiêu thụ sản phẩm:

Các thị trường xuất khẩu chính của công ty là thị trường Mỹ chiếm 44%, Nhật bản 33%, châu Âu 16%, còn lại là các trường khác (7%) như Nga, Úc, Nam Hàn... trong đó hầu hết là khách hàng truyền thống ổn định, gắn bó nhiều năm với công ty. Riêng thị trường Nhật đã có thêm nhiều khách hàng mới với nhu cầu lớn và ổn định.

- Các mặt hàng Nobashi & sushi của công ty được khách hàng ưa chuộng và đặt hàng với số lượng lớn và trong thời gian dài.
- Các thị trường mới như Úc châu, Hàn Quốc cũng được duy trì.

- Do bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, việc tiêu thụ tôm cỡ lớn vốn là thế mạnh của công ty bị giảm sút khá nhiều, ảnh hưởng đến kim ngạch xuất khẩu. Như đã nói tất cả các thị trường đều có sức mua sút giảm đã ảnh hưởng đến lượng hàng bán ra của công ty.



Bảng: Thị phần 2012 của Sea Minh Hải

2. Sản xuất chế biến:

Tỉ lệ sản lượng tôm sú tiếp tục chiều hướng sút giảm so lượng tôm thẻ, còn tôm thẻ chân trắng vannamei tiếp tụ xu hướng tăng dần lên do được nuôi nhiều hơn. Công ty đã tiếp tục ký nhiều hợp đồng bán tôm thẻ, và đẩy mạnh thu mua và sản xuất mặt hàng tôm thẻ chân trắng (vannamei) cung cấp cho các thị trường như Mỹ, EU. Việc sản xuất tôm thẻ góp phần làm nhà máy duy trì sản xuất ổn định, đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng nước ngoài khi giá tôm sú vẫn còn nhiều cách biệt.

- Về chế biến mặt hàng mới: Ngoài mặt hàng tôm Nobashi, các mặt hàng sushi, tempura, tôm tẩm bột đã được khách hàng đặt hàng ổn định với số lượng ngày càng nhiều.

- Nhà máy F69 & Xí nghiệp Láng Trâm tỷ trọng hàng chế biến chiếm trên 80% sản lượng của nhà máy.

	Nhóm mặt hàng	Sản lượng	Tỷ lệ (%)
1	Nhóm tôm vỏ	980	20.8
2	Nhóm nguyên con	240	2.9
3	Nhóm Nobashi	900	19.2
4	Nhóm Easy Peel	580	12.3
5	Nhóm PD/ PTO tươi	1.300	27.6
6	Nhóm PD/PTO hấp	570	12.1
7	Nhóm Sushi, tempura,..	140	5.1
	Tổng	4.710	100

Bảng: Cơ cấu mặt hàng

3. Công tác quản lý chất lượng:

Công tác quản lý chất lượng luôn được Ban lãnh đạo và cán bộ kỹ thuật của Công ty và các Xí nghiệp đặt lên hàng đầu. Các khiếu nại về chất lượng giảm hẳn. Hàng hoá từ các xí nghiệp của Sea Minh Hải được các khách hàng lớn từ Nhật, Mỹ đánh giá cao qua sự ổn định về chất lượng, việc kinh doanh cũng gặp thuận lợi hơn. Các tiêu chuẩn quản lý và chất lượng như HACCP, ISO 9001-2008, BRC, ACC được tuân thủ tốt, góp phần cho việc quản lý sản xuất thuận lợi hơn.

Mặc dù chúng ta đã kiểm soát hết sức chặt chẽ đầu nguyên liệu vào, nhưng tình trạng tạp chất cũng như dùng kháng sinh không kiểm soát của nông dân vẫn còn tồn tại phổ biến, là nguyên nhân chính của hàng bị nhiễm vi sinh hay tạp chất. Công ty đã có vài trường hợp bị trả hàng do lý do này khi hàng hóa được kiểm tra và phát hiện các chất không cho phép tại nước ngoài (Nhật, Canada...)

4. Nhân sự và tiền lương

Lương bình quân của công nhân năm 2012 gần 3 triệu đồng/ người. Trong những tháng trái vụ sản lượng ít, công ty có chính sách ứng lương hoặc thưởng để người lao động có được thu nhập đủ để ổn định cuộc sống.

Một bộ phận đáng kể cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có tay nghề được hưởng chế độ “lương tối thiểu” nhằm ổn định thu nhập, tạo sự yên tâm công tác.

Công ty luôn thực hiện nghiêm túc các chế độ phúc lợi của công nhân, như mua bảo hiểm xã hội, y tế, tai nạn lao động... cho người lao động. Công ty cũng thực hiện việc chi tiền ăn giữa ca, tiền thưởng cho con em công nhân có thành tích học tập tốt.

Do những chính sách đãi ngộ tốt chúng ta đã duy trì lực lượng lao động tương đối ổn định, ít xảy ra những trường hợp bị các xí nghiệp mới thu hút lực lượng lao động có tay nghề.

5. Công tác tài chính:

Trong năm 2012 lãi suất ngân hàng tăng cao, cuối năm hạn mức tín dụng bị xiết chặt. Tuy nhiên do quản lý tài chính tốt công ty không gặp khó khăn trong tiền vốn thu mua. Đồng thời tranh thủ được các nguồn tín dụng có lãi suất thấp, góp phần giảm chi phí cho đơn vị. Tình hình tài chính công ty luôn được đánh giá lành mạnh, rõ ràng, luôn thực hiện nộp thuế đầy đủ và kịp thời.

III. KẾT QUẢ 5 NĂM CỦA NHIỆM KỲ HĐQT

Năm 2008

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐV TÍNH	KẾ HOẠCH 2008	THỰC HIỆN 2008	TỈ LỆ
1	Sản lượng chế biến	tấn	6.500	4.527	70%
2	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	65	43,468	67%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	25	10,13	41%
4	Thu nhập b/q đầu người	Triệu đ/ng/thàng	2,2	1,90	86%
5	Cổ tức chia cho cổ đông (%) trên vốn điều lệ)	%/ năm	24%	15%	63%

Năm 2009

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2009		THỰC HIỆN 2008	SO SÁNH (%)	
			KH	TH		KH	CÙNG KỲ
1	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	52	47,03	43,46	90,44	108,2
2	Sản lượng chế biến	Tấn	5.000	4.445	4.527	88,91	98,20
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	12	15,86 5	10,13	132,21	156,62
4	Thu nhập bình quân đầu người	đ/ng/thán g	1,95	2,05	1.90	105,13	107,89
5	Cổ tức chia cho cổ đồng	%/năm	15	15		100	

Năm 2010

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2010		THỰC HIỆN 2009	SO SÁNH (%)
			KH	TH		
1	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	53	52.282	46,8	98.65
2	Sản lượng chế biến	Tấn	5.000	4.636	4.278	92.72
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	18	20.6	15,8	114.4
4	Cổ tức chia cho cổ đông	%/năm	15	18	15	120

Năm 2011

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2011		THỰC HIỆN 2010	SO SÁNH (%)
			KH	TH		
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.267	1.363	1.007	107,58
2	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	65	65,712	52.3	101
3	Sản lượng chế biến	Tấn	6.500	5.327	4689	81,95
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	20	14,85	18,66	74,25
5	Cổ tức	%/năm	18	18	18	100

Năm 2012

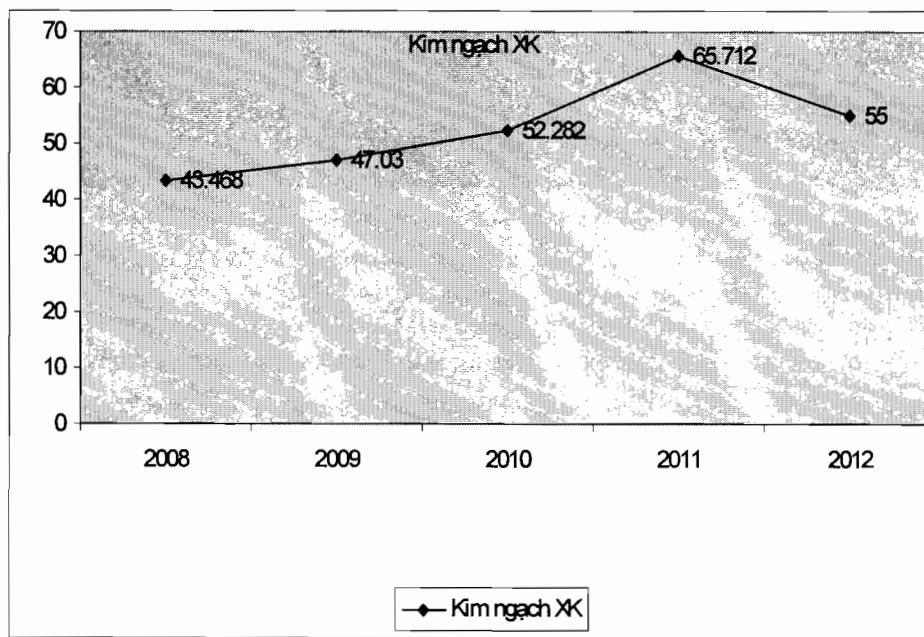
TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2012		THỰC HIỆN 2011	SO SÁNH (%)
			KH	TH		
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.375	1.153	1.363	83.8
2	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	66	55	65	83.3
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	20	12.95	14.85	64.75
4	Cổ tức	%/năm	18	18	18	100

Các bảng trích từ các BC trước

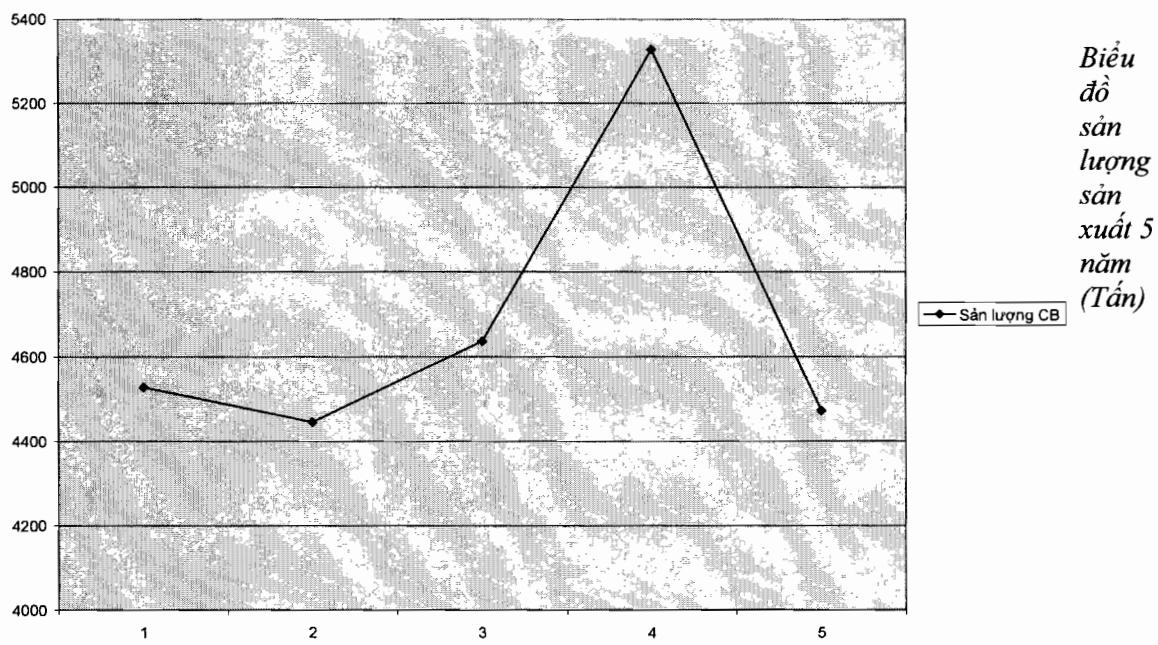
Một số các chỉ tiêu chính trong năm 2008-2012

1. Kim ngạch, cổ tức, sản lượng

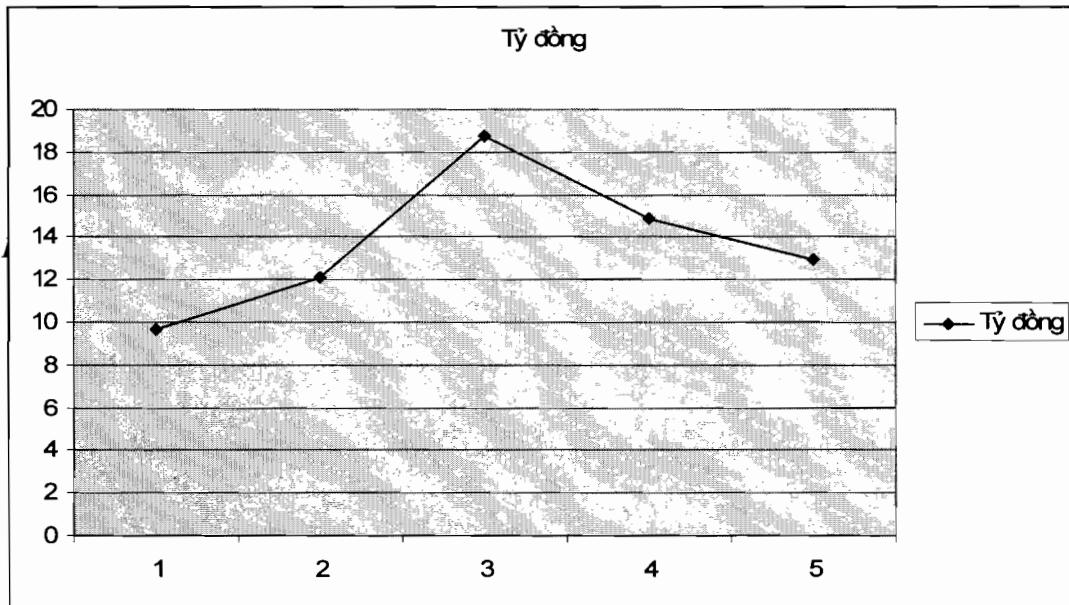
Các chỉ tiêu	ĐVT	2008	2009	2010	2011	2012
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	761	841	1.008	1.363	1.153
Kim ngạch XK	Triệu USD	43,468	47,03	52.282	65,712	55,0
Sản lượng CB (tấn)	Tấn	4.527	4.445	4.636	5.327	4.472
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,1	15,9	20,5	15,7	13,9
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	9,7	12,1	18,7	14,9	12,9
Tỷ lệ cổ tức	%/VĐL	18%	15%	18%	18%	18%/VĐL 56 tỷ (Dự kiến)



Sản lượng CB



Tỷ đồng



Trong năm năm 2008-2012, HĐQT và Ban TGD Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Hải đã phấn đấu trong điều kiện khó khăn chung của nền kinh tế toàn cầu nói chung và của Việt Nam nói riêng chẳng những duy trì sản xuất và xuất khẩu, mà còn duy trì sự tăng trưởng vững chắc, như có thể thấy qua các số liệu thống kê. Trên biểu đồ có thể thấy rõ khó khăn của năm 2012 là chưa từng xảy ở mức độ gay gắt ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất và kinh doanh. Tuy nhiên, về mặt chỉ tiêu lợi nhuận, việc đảm bảo có lãi để chia cổ tức cho các cổ đông của công ty là một điều chứng tỏ rõ ràng Công ty đã xem vấn đề hiệu quả là trên hết để có được kết quả như thế.

2. Hoàn chỉnh và đưa Láng Trâm vào vận hành

Xí Nghiệp Láng Trâm là xí nghiệp lớn nhất của Sea Minh Hải, được đầu tư toàn bộ thiết bị, máy móc và nhà xưởng mới.

Xí nghiệp Láng Trâm đưa vào vận hành vào giữa năm 2010 đến nay đã đi vào sản xuất ổn định. Tuy nhiên với mặt bằng rộng lớn của nhà máy, việc triển khai sản xuất các mặt hàng giá trị cao và ổn định vẫn đang được tập trung thực hiện để tận dụng hết công suất của xí nghiệp này. Các mặt hàng như sushi, bao bột, ebi-fry cũng như những khả năng hợp tác chế biến các mặt hàng thủy sản cao cấp khác vẫn đang được ban Tổng giám đốc nghiên cứu và tìm cơ hội để xúc tiến khả năng đa dạng hóa hơn nữa cho xí nghiệp này.

3. Sửa chữa, duy trì điều kiện sản xuất ở các xí nghiệp

Ngoài ra việc đưa xí nghiệp Láng Trâm vào sản xuất, các việc sửa chữa nhà xưởng, thiết bị của các nhà máy F69, F78 được thực hiện kịp thời đảm bảo sự vận hành trơn tru của các xí nghiệp, góp phần ổn định công tác sản xuất, xuất khẩu của công ty.

Công ty cũng đã tập trung thực hiện tốt việc xây dựng và đưa vào vận hành các nhà máy xử lý nước thải để đáp ứng tốt các quy định của Chính phủ đối với cơ sở sản xuất thủy sản.

4. Phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ

Trong thời gian 5 năm qua, Sea Minh Hải đã hai lần phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 40 tỉ ban đầu khi cổ phần hóa năm 2002 lên 56 tỉ đồng vào tháng 12 năm 2008 và 81 tỉ đồng vào năm nay.

Việc tăng vốn điều lệ lên là cơ sở để công ty có thể niêm yết cổ phiếu tại thị trường TP. Hồ Chí Minh, đồng thời bổ sung nguồn vốn hoạt động cho công ty nhằm có thể giảm bớt áp lực của nguồn vốn vay Ngân hàng. Đây cũng là để đáp ứng yêu cầu của các cổ đông tại các ĐHCĐ qua.

5. Mở rộng thị trường

Seaprodex Minh Hải là công ty ban đầu chỉ có chức năng kinh doanh xuất khẩu, với các thị trường truyền thống lớn và quan trọng nhất là Nhật Bản. Ngay trước khi cổ phần hóa, công ty đã chuẩn bị phần mềm, phần cứng nhằm xuất khẩu sang thị trường Mỹ, và là một trong những công ty đầu tiên đã hoàn chỉnh đưa vào vận hành bộ HACCP ngay khi Hoa Kỳ đưa ra yêu cầu này cho các cơ sở thủy sản muốn xuất khẩu sang thị trường này.

6. Duy trì các chương trình quản lý chất lượng

Là một mặt hàng có thể có nhiều mối nguy khác nhau cần quản lý như yếu tố lý, hóa, vi sinh và yếu tố xã hội, Sea Minh Hải từ lâu đã đưa vào thực hiện nhiều chương trình quản lý chất lượng khác nhau. Các chương trình như ISO, BRC, HACCP và BAP đều đã được đưa vào vận hành và duy trì thường xuyên. Các chương trình thẩm tra của khách hàng về trách nhiệm xã hội, an ninh thực phẩm hoặc thanh tra về môi trường cũng đều được công ty chú trọng thực hiện để các kết quả luôn đạt được yêu cầu.

Tuy nhiên trong một thời gian dài, hàng hóa vẫn tập trung chủ yếu vào hai thị trường là Nhật và Mỹ. Trong năm qua, công ty đã mở rộng thêm các thị trường châu Âu, thị trường Nga, thị trường Úc để giảm bớt sự lệ thuộc quá lớn vào một vài thị trường, và kết quả đã rất đáng khích lệ (xem cơ cấu thị trường). Tuy nhiên do năm 2012 nền kinh tế châu Âu vẫn bị ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng nợ, sức tiêu thụ sút giảm tại rất nhiều nước thành viên EU, làm cho doanh số vào thị trường này cũng bị ảnh hưởng nặng nề hơn so các thị trường khác.

Tóm lại trong nhiệm kỳ 5 năm của HĐQT 3, Công ty đã thực hiện được những bước đi vững chắc, đặt nền móng cho sự phát triển bền vững cho những năm sắp tới.

PHẦN II

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Nhận định về tình hình thủy sản năm 2013, báo cáo tôm của VASEP đã nêu ra những thách thức nổi bật của năm 2013 là (1) dịch bệnh hội chứng tôm chết sớm (EMS) sẽ ảnh hưởng đến sản lượng tôm, (2) việc thu mua tôm của thương lái Trung Quốc sẽ tác động lớn đến tình hình thu mua sản xuất của các doanh nghiệp Việt Nam, (3) thị trường còn tiếp tục khó khăn do tình hình kinh tế vẫn chưa cải thiện trong thời gian tới, (4) rào cản Ethoxyquin của Nhật và Hàn Quốc và (5) vụ kiện chống trợ cấp các nước xuất khẩu tôm trong đó có Việt Nam.

Dịch bệnh EMS nếu không kiểm soát tốt trong năm 2013 sẽ làm tình hình thiếu nguyên liệu thêm trầm trọng như đã xảy ra trong năm 2012, đẩy giá thu mua lên cao, và cạnh tranh giữa các xí nghiệp sẽ tăng cao. Việc này làm cho giá thành tôm Việt Nam cao hơn tôm các nước đối thủ khác, ảnh hưởng đến tính cạnh tranh của tôm Việt Nam trên thị trường thế giới, thúc đẩy hơn nữa sự vươn lên của các nước cung cấp như đã diễn ra như trường hợp Ấn Độ và Ecuador tại thị trường Mỹ năm 2012.

Việc thương lái Trung Quốc thu mua hàng với giá cao nhưng lại bỏ lỏng khâu chất lượng đã thúc đẩy thêm hiện tượng bơm chích ra ngoài sự kiểm soát. Điều này làm cho chất lượng hàng Việt Nam bị giảm sút, đồng thời làm cho một số doanh nghiệp gần như không thể thu mua được nguyên liệu như đã xảy ra trong năm 2012.

Khó khăn rào cản kỹ thuật là điều đã từng diễn ra đối với hàng hóa Việt Nam. Nếu vấn đề ethoxiquin vẫn chưa có giải pháp và tình trạng bơm chích vẫn tràn lan thì chắc chắn lượng hàng bán sang Nhật sẽ bị ảnh hưởng nhiều. Tôm sú vỏ (HLSO), một mặt hàng quan trọng của Việt Nam xuất sang Nhật sẽ gần như không còn cửa vào thị trường này.

Trước những tình huống khó khăn như thế, Seaprodex Minh Hải chú trọng mục tiêu duy trì sản xuất hiệu quả và lành mạnh tài chính lên hàng đầu.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013

CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2012	So sánh (%)
1. Doanh thu	Tỷ VNĐ	1.150	1.153	100
2. Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	55	55	100
3. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VND	18	12.9	139.53%
4. Cổ tức	%/VĐL	16	18	88.88%

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

A. Giải pháp về thị trường:

Tiếp tục duy trì và ổn định các thị trường truyền thống. Thị trường Mỹ, Nhật Bản, châu Âu chiếm 75% kim ngạch xuất khẩu. Các thị trường Nga, Hàn Quốc, Úc châu, Singapore ... chiếm 25%.

- Mặt hàng Nobashi của công ty đã được biết đến do chất lượng ổn định sẽ tiếp tục được tập trung nâng cao sản lượng nhằm đáp ứng yêu cầu nhiều hơn của khách hàng.
- Cần ổn định sản xuất mặt hàng sushi, tẩm bột, tempura cho thị trường Nhật; Easy Peel, PTO tươi và luộc cho thị trường Mỹ.
- Khai thông thị trường Nga để tiếp tục bán hàng vào thị trường này.
- Duy trì và phát triển mặt hàng marinate cho các khách hàng Úc

B. Giải pháp về nguyên liệu

Để chủ động hơn về nguyên liệu, công ty cần có chính sách ưu tiên với người nuôi, đại lý cung cấp nguyên liệu đã gắn bó lâu năm với công ty, nhằm đủ nguồn nguyên liệu phù hợp theo yêu cầu của đơn hàng của khách.

Nghiên cứu khả năng đầu tư phát triển nuôi tôm để đạt tiêu chuẩn ACC, nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý nguyên liệu khép kín của siêu thị, nhà hàng của các khách hàng quan trọng.

Có biện pháp phù hợp để thu mua tôm nguyên liệu cho xí nghiệp, đảm bảo có nguyên liệu đều đặn để chế biến cho các đơn hàng đã ký.

C. Giải pháp về vốn

Tiếp tục tranh thủ mối quan hệ tốt đẹp với các ngân hàng đã có mối quan hệ lâu dài tạo nguồn vốn với lãi suất thấp, đáp ứng nhu cầu thu mua. Bên cạnh việc đẩy mạnh bán hàng tồn kho, quay nhanh đồng vốn, nhằm hạ chi phí tài chính hơn nữa trong năm 2013.

D. Về quản lý chế biến

Cần quan tâm hơn cho công tác chế biến. Trên cơ sở định mức chế biến đã ban hành cần tăng cường công tác quản lý, kiểm tra việc thực hiện định mức, ban hành chính sách khen thưởng cho xí nghiệp, bộ phận quản lý tốt công tác chế biến.

Ban hành việc thực hành tiết kiệm trong toàn công ty, chú trọng nhất ở khâu chế biến và vật tư sản xuất.

E. Về nhân lực và công tác tổ chức

- Tiếp tục thực hiện nhiều chính sách nhằm thu hút, bổ sung nguồn nhân lực phục vụ cho sự phát triển của công ty. Tạo điều kiện cho cán bộ trẻ phát huy năng lực. Đào tạo đội ngũ kế thừa cho công ty cho giai đoạn 2015-2020 .

- Hoàn thiện hơn danh sách cán bộ hưởng mức thu nhập “tối thiểu” nhằm đảm bảo đời sống.

- Năm 2013 phấn đấu thu nhập bình quân đạt 3,5 triệu đồng/ người/ tháng.

- Lê lối làm việc công ty đã được cải thiện khá tốt, cần duy trì, và chú trọng hơn đến sự phối hợp giữa các bộ phận, phòng ban trong công ty, tạo nên hiệu quả cao trong công việc. Luôn đề cao tính đoàn kết trong nội bộ công ty.

*

*

*

Tóm lại năm 2013 khó khăn và thách thức vẫn còn nhiều. Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Hải có truyền thống vượt qua được nhiều khó khăn để phát triển, Ban Lãnh đạo Công ty sẽ sát cánh cùng toàn thể cán bộ CNV quyết tâm thực hiện các mục tiêu vạch ra đảm bảo sự phát triển vững chắc và lâu dài trong các năm tiếp theo.

CTY CỔ PHẦN THỦY SẢN MINH HẢI

TỔNG GIÁM ĐỐC



CTY CỔ PHẦN TSM MINH HẢI
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN 2013 NGÀY 12/4/2013

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2012

Năm 2012 được đánh giá là một trong những năm khó khăn nhất của hoạt động sản xuất kinh doanh ngành thủy sản. Mật hàng tôm có mức tăng trưởng âm (xuất khẩu đạt 2,237 tỉ USD, giảm 6,6%). Sản lượng tôm sú giảm mạnh, xuất khẩu đạt 1.250 tỉ USD, giảm 12.6%.

Các nguyên nhân như: sức mua giảm sút tại các thị trường tiêu thụ lớn, sản lượng tôm tiêu hụt do bệnh dịch kéo dài, chi phí đầu vào tăng cao, cộng với các rào cản kỹ thuật từ các nước nhập khẩu (mới nhất là chất Ethoxyquine từ thị trường Nhật), làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh mặt hàng thủy sản gặp nhiều khó khăn.

Theo đánh giá chung hơn 50% doanh nghiệp hoạt động trên ngành thủy sản gặp khó khăn về tài chính phải thu hẹp hoặc ngừng sản xuất.

NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2012

Do nhận thức được tình hình khó khăn trong hoạt động kinh doanh năm 2012, HĐQT chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc Công ty tập trung ổn định sản xuất, giữ vững các thị trường truyền thống, bảo toàn vốn nhằm vượt qua khó khăn trước mắt để phát triển ổn định lâu dài.

Trong năm 2012, HĐQT thực hiện các công việc chủ yếu sau đây:

- Tổ chức tổng kết đánh giá công tác sản xuất kinh doanh năm 2012, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 trình ĐHCĐ xem xét quyết định.

- Tổ chức các kỳ họp thường kỳ theo từng quý, thông qua các nội dung như:

- Ứng cổ tức đợt 1 năm 2012 bằng 10% vốn điều lệ.
- Phê duyệt đơn giá tiền lương theo quy định
- Thông qua việc chọn Cty AASC kiểm toán cáo cáo tài chính 2012
- Tổ chức thực hiện việc tăng vốn điều lệ công ty từ 56 tỷ lên 81 tỷ theo Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2012.
- Chỉ đạo công tác chuẩn bị ĐHCĐ 2013
- Thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác theo quy định của luật doanh nghiệp và của điều lệ Cty

Năm 2013 các vấn đề lớn của ngành như thiếu hụt nguyên liệu, thị trường tiêu thụ gặp nhiều khó khăn, tôm chết kéo dài vẫn tiếp diễn. Tuy nhiên trong điều kiện hết sức khó khăn, qua quá trình hoạt động, Công ty vẫn được đánh giá là một trong số ít doanh nghiệp thủy sản hoạt động ổn định, tài chính lành mạnh, có định hướng phát triển tốt trong tương lai. Dự kiến 2014 -2018 là chu kỳ phát triển mới của công ty.

Trong năm 2013 HĐQT tập trung chỉ đạo các nội dung chính như sau :

- Tổ chức ổn định sản xuất, tranh thủ nhập khẩu nguồn nguyên liệu giá rẻ để bổ sung nguồn nguyên liệu lúc trái vụ.

- Tiếp tục phát triển các mặt hàng giá trị gia tăng ít tiêu tốn nguyên liệu.

- Phát huy ưu thế về tài chính, tranh thủ các nguồn vốn vay lãi suất thấp (bằng VNĐ hoặc ngoại tệ).

- Do điều kiện niêm yết trên thị trường chứng khoán TP. HCM cần có 120 tỷ đồng vốn điều lệ, Công ty thuê Cty cổ phần chứng khoán MayBank – Kim Eng xây dựng kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 81 tỷ lên 121 tỷ để thực hiện việc niêm yết trên sàn TP. Hồ Chí Minh.

- Xây dựng mức thù lao HĐQT & BKS năm 2013 trình ĐHCĐ xem xét.

BIỂU SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG TRONG 5 NĂM NHIỆM KỲ HĐQT

CHỈ TIÊU	ĐVT	2008	2009	2010	2011	2012
Tổng doanh thu	Tỷ	761	841	1.008	1.363	1.153
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	10,1	15,9	20,5	15,7	13,90
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đ	9,7	12,1	18,7	14,9	12,9
Tỉ lệ cổ tức	%VDL	18	15	18	18	18

Kính thưa Quý cổ đông,

Trong nhiệm kỳ 2008-2012, HĐQT đã nỗ lực cùng với Ban Tổng GĐ Công ty và cán bộ CNV phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu ĐHCĐ giao, bên cạnh các thành tích đạt được cũng còn những chỉ tiêu chưa đạt.Tuy nhiên điều đáng mừng là C/Ty Cổ Phần Thủy Sản Minh Hải đã phát triển ổn định trong thời gian 2008-2012.

Nhiệm kỳ HĐQT 2008-2012 đã kết thúc. Chúng tôi xin chúc ĐHCĐ tiếp tục chỉ đạo hội nghị bầu ra HĐQT mới, nhằm cùng với Ban TGĐ tiếp tục lãnh đạo Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Hải phát triển hơn nữa trong nhiều kỳ tiếp theo.

Trân trọng.

Số : 4.1.../BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN*Về Báo cáo Tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Thuỷ sản Minh Hải***Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thuỷ sản Minh Hải**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thuỷ sản Minh Hải được lập ngày 28 tháng 01 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cẩn thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng; các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thuỷ sản Minh Hải tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)



Đỗ Khắc Thanh
Chứng chỉ KTV số: Đ0064/KTV

TP.Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2013

Kiểm toán viên

Lê Văn Tuấn
Chứng chỉ KTV số: 0479 /KTV



BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
100	A . TÀI SẢN NGẮN HẠN		279.770.133.127	307.765.030.359
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	58.086.122.716	33.132.522.355
111	1. Tiền		13.136.122.716	23.132.522.355
112	2. Các khoản tương đương tiền		44.950.000.000	10.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
121	1. Đầu tư ngắn hạn			
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		64.602.235.495	86.482.381.216
131	1. Phải thu khách hàng		63.651.320.276	84.778.376.109
132	2. Trả trước cho người bán		36.678.400	1.423.761.708
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Các khoản phải thu khác	04	914.236.819	280.243.399
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
140	IV. Hàng tồn kho	05	151.196.029.173	176.201.579.681
141	1. Hàng tồn kho		154.196.029.173	179.201.579.681
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.885.745.743	11.948.547.107
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn			
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.134.886.403	11.201.687.372
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		750.859.340	746.859.735
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		103.028.366.411	105.626.836.128
210	I. Các khoản phải thu dài hạn			
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ			
218	4. Phải thu dài hạn khác			
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			



BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
220	II. Tài sản cố định		95.829.338.168	98.077.558.524
221	1. Tài sản cố định hữu hình	06	90.154.067.168	95.034.003.292
222	- Nguyên giá		204.891.770.590	196.283.255.580
223	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(114.737.703.422)	(101.249.252.288)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	07	2.516.071.000	1.466.071.000
228	- Nguyên giá		2.593.617.800	1.543.617.800
229	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(77.546.800)	(77.546.800)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	08	3.159.200.000	1.577.484.232
240	III. Bất động sản đầu tư			
241	- Nguyên giá			
242	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)			
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		5.934.827.000	5.904.827.000
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
258	3. Đầu tư dài hạn khác	09	9.714.827.000	9.714.827.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(3.780.000.000)	(3.810.000.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.264.201.243	1.644.450.604
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.264.201.243	1.644.450.604
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại			
268	3. Tài sản dài hạn khác			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		382.798.499.538	413.391.866.487

05011725
 CÔNG TY
 VĂCH NHIỆM HỮU
 CH VỤ TƯ V
 CHÍNH KẾ T
 VÀ KIỂM TOÁ
 PHÍA NAM
 TP. HỒ C

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		198.842.749.995	243.924.900.373
310	I. Nợ ngắn hạn		198.842.749.995	243.924.900.373
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	171.273.690.006	211.260.601.135
312	2. Phải trả người bán		9.247.403.239	10.146.030.805
313	3. Người mua trả tiền trước		616.508.800	2.906.339.120
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.212.367.229	1.730.725.930
315	5. Phải trả người lao động		10.991.856.164	10.512.976.032
316	6. Chi phí phải trả			
317	7. Phải trả nội bộ			
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	2.476.011.115	1.496.885.098
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
323	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.024.913.442	5.871.342.253
330	II. Nợ dài hạn			
331	1. Phải trả dài hạn người bán			
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ			
333	3. Phải trả dài hạn khác			
334	4. Vay và nợ dài hạn			
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm			
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn			
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		183.955.749.543	169.466.966.114
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	183.955.749.543	169.466.966.114
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		80.999.510.000	56.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		73.858.230.000	84.557.940.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu			
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)			
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			(1.009.592.954)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		5.889.312.929	5.146.791.992
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		5.600.000.000	5.600.000.000
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17.608.696.614	19.171.827.076
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
432	2. Nguồn kinh phí			
433	3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>382.798.499.538</u>	<u>413.391.866.487</u>



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu

Thuyết
minh

31/12/2012

01/01/2012

1. Tài sản thuê ngoài
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược
4. Nợ khó đòi đã xử lý
5. Ngoại tệ các loại

- Dollar Mỹ (USD)	286.227,20	684.719,55
- Yên Nhật (JPY)	251.186,00	
- Euro (EUR)	100,37	100,25
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án

Người lập biếu

Nguyễn Thanh Nhàn

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Nhàn

Bạc Liêu ngày 28 tháng 1 năm 2013



Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	1.153.157.458.258	1.363.308.233.804
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16	14.751.726.148	2.924.373.380
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	1.138.405.732.110	1.360.383.860.424
11	4. Giá vốn hàng bán	18	1.065.902.737.575	1.305.019.650.670
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch		72.502.994.535	55.364.209.754
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	5.598.089.934	30.771.331.974
22	7. Chi phí tài chính	20	16.980.993.268	26.344.873.739
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		15.843.524.684	24.710.072.648
24	8. Chi phí bán hàng	21	34.292.965.765	34.158.419.995
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	13.362.629.611	11.178.676.412
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.464.495.825	14.453.571.582
31	11. Thu nhập khác		648.406.581	1.520.627.542
32	12. Chi phí khác		153.271.258	245.459.507
40	13. Lợi nhuận khác		495.135.323	1.275.168.035
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.959.631.148	15.728.739.617
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	1.014.277.861	878.320.869
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		12.945.353.287	14.850.418.748
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	24	2.249	2.652

Bạc Liêu, ngày 28 tháng 1 năm 2013

Người lập biếu

Nguyễn Thanh Nhàn

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Nhàn



Trần Thị Hiền Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

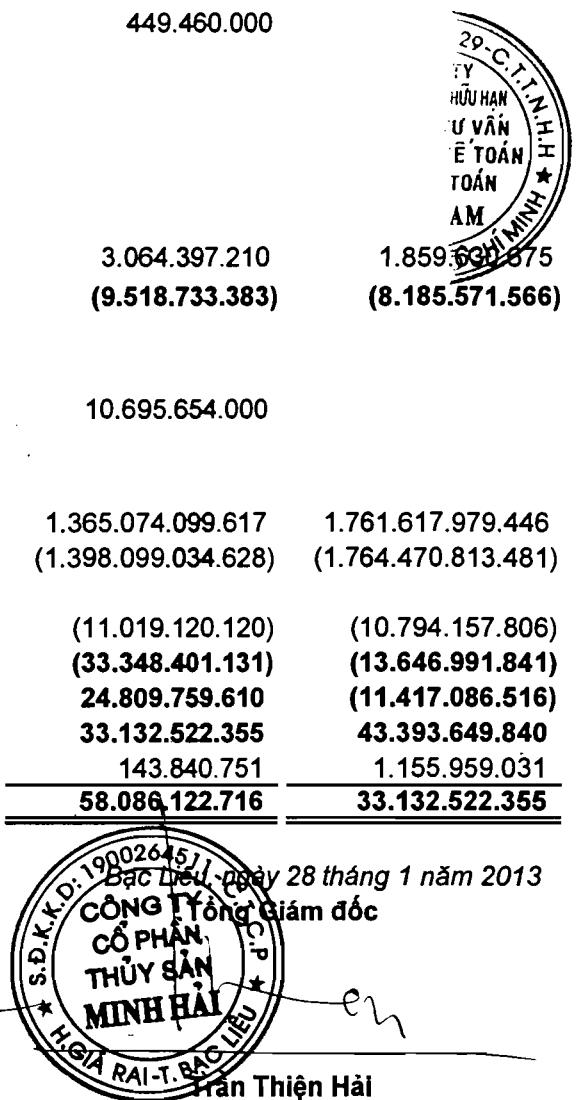
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.168.517.819.941	1.403.415.692.859
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(1.028.145.045.287)	(1.349.728.873.547)	
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(51.728.543.499)	(42.668.752.302)	
04	4. Tiền chi trả lãi vay	(15.788.833.667)	(24.711.322.552)	
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(853.835.889)	(756.646.729)	
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	68.376.461.341	95.030.492.650	
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(72.701.128.816)	(70.165.113.488)	
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	67.676.894.124	10.415.476.891	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	(13.032.590.593)	(10.045.202.241)	
22	2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	449.460.000		
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	3.064.397.210	1.859.530.375	
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(9.518.733.383)	(8.185.571.566)	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	10.695.654.000		
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	1.365.074.099.617	1.761.617.979.446	
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.398.099.034.628)	(1.764.470.813.481)	
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(11.019.120.120)	(10.794.157.806)	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(33.348.401.131)	(13.646.991.841)	
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	24.809.759.610	(11.417.086.516)	
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	33.132.522.355	43.393.649.840	
61	Ánh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	143.840.751	1.155.959.031	
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	58.086.122.716	33.132.522.355	

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Nhàn

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Nhàn





CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN MINH HẢI
SEA MINH HAI

Km 2231 QL1A-xã Tân Phong-huyện Giá Rai-tỉnh Bạc Liêu
ĐT: 0781.3846810 Fax: 0781.346706

Email: seaminhhai@seaminhhai.com Web: seaminhhai.com

TỜ TRÌNH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2012

Kính thưa: Quý vị khách mời cùng toàn thể cổ đông Công ty

Căn cứ lợi nhuận sau thuế trong năm 2012 đã được kiểm toán. Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phàn Thủy Sản Minh Hải dự kiến phân phối như sau:

CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
I. Tổng lợi nhuận thực hiện được	13,959,631,148
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,014,277,861
II. Lợi nhuận sau thuế	12,945,353,287
- Chi trả cổ tức	10,054,973,050
+ <i>Đã chi 10%/VĐL 56 tỷ</i>	<i>5,600,000,000</i>
+ <i>Dự kiến chi thêm 5,5%/VĐL mới (tương đương với 8%/VĐL cũ)</i>	<i>4,454,973,050</i>
- Quỹ phát triển sản xuất (5% LNST)	647,267,664
- Quỹ dự phòng tài chính (không trích do đã trích đủ 10% vốn điều lệ)	
- Quỹ phúc lợi khen thưởng (10% LNST)	1,294,535,328
- Thủ lao HĐQT và BKS	360,000,000
- Lợi nhuận còn lại	588,577,245

HĐQT xin trình đại hội cổ đông và xin ý kiến của quý cổ đông Công ty.

Bạc Liêu, ngày tháng 04 năm 2013
TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



CTY CPTS MINH HAI
BAN KIỂM SOÁT

--- * ---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bạc liêu, ngày 13 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2012

- Kính thưa : - Hội đồng quản trị
- Quý vị cổ đông

- Căn cứ điều lệ tổ chức hoạt động công ty cổ phần thủy sản Minh Hải được đại Hội đồng cổ đông thành lập Cty thông qua ngày 22/3/2002 .

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty .

- Sau khi kiểm tra cáo báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán, chứng từ sổ sách kế toán và quá trình theo dõi thực tế của Cty , Ban kiểm soát có đánh giá như sau :

I. Đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông :

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	NĂM 2012			Năm 2011	
			Thực hiện 2012	Kế hoạch năm	% so với kế hoạch	Thực hiện 2011	% 2012 so với 2011
1	Tổng Doanh thu	tỷ đồng	1.144,652	1.375	83,24%	1.392,674	82,19%
2	Chi phí	tỷ đồng	1.130,692	1.355	83,44%	1.376,946	
3	Tổng lợi nhuận KT	tỷ đồng	13,960			15,729	88,75%
3	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	12,945	20	64,72%	14,850	87,17%
4	Lợi nhuận trên cổ phiếu (Sau thuế / VDL)	%	22,49%			26,52%	
5	Dự kiến chia cổ tức 2012			18%		18%	

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

Kết quả sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác trong năm 2012 đạt được kết quả :

+ Tổng doanh thu đạt 1.144,652 tỷ đồng bằng 83,24% so với kế hoạch năm 2012 và chỉ bằng 82,19 % so với năm 2011.

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2012 là 12,945 tỷ đồng đạt 64,72% so kế hoạch năm, bằng 87,17 % so với năm 2011.

2. Công tác quản lý tài chính và hạch toán kế toán

- Công tác quản lý tài chính kế toán thực hiện theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và phù hợp với thực tế của Công ty.

- Năm 2012 do thiếu nguồn nguyên liệu và giá cả đầu vào cạnh tranh gay gắt, lãi suất ngân hàng rất cao từ đó ảnh hưởng đến lợi nhuận của Cty .

II. Đánh giá công tác điều hành của Hội đồng quản trị, Ban TGĐ :

- HĐQT đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ hàng quý theo qui định . Nội dung chương trình họp và tài liệu được gửi trước, tạo thuận lợi cho các thành viên HĐQT nghiên cứu, đề xuất ý kiến cụ thể, hỗ trợ cho hoạt động của Cty .

- Hội đồng quản trị và ban TGĐ đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, cụ thể : được mời tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo điều lệ Công ty Quy định, cung cấp kịp thời và đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của công ty.

III. Kết luận - Kiến nghị :

- Sang năm 2013 Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc công ty nên đầu tư hơn nữa cho khâu thu mua tôm nguyên liệu và tập trung giải quyết những khó khăn ngày càng nhiều trong tình hình cạnh tranh mua – bán như hiện nay và áp lực về vốn và lãi vay ngân hàng .

- Cuối cùng, xin kính chúc sức khoẻ quý vị đại biểu khách mời, quý cổ đông Cty, chúc đại Hội thành công tốt đẹp .

Trân trọng báo cáo ./.

Nơi nhận :

- HĐQT

- Trưởng ban báo cáo

- Lưu BKS

TM.BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban

Phạm Chí Thành



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN MINH HẢI SEA MINH HAI

Km 2231 QL1A-xã Tân Phong-huyện Giá Rai-tỉnh Bạc Liêu
Email: seaminhhai@seaminhhai.com Web: seaminhhai.com

THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN KIỂM SOÁT

A. THÙ LAO HĐQT & BAN KIỂM SOÁT NĂM 2012

Căn cứ Nghị Quyết đại hội cổ đông năm 2012 thù lao HĐQT và BKS là 360 triệu đồng. Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện chi trả cho các thành viên như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	THÙ LAO
01	TRẦN THIỆN HẢI	CT HĐQT	60.000.000
02	MẠC MINH KỲ	P. CT HĐQT	42.000.000
03	TRẦN QUANG ĐỆ	TV HĐQT	30.000.000
04	DƯƠNG CÔNG THÀNH	"	30.000.000
05	LÝ NAM HÀ	"	30.000.000
06	DƯƠNG MINH TRỊ	"	30.000.000
07	NGUYỄN NGỌC TÀI	"	27.000.000
08	NGUYỄN THANH NHÂN	THƯ KÝ	27.000.000
Công HĐQT			276.000.000
09	PHẠM CHÍ THÀNH	TR BKS	20.400.000
10	NGUYỄN QUANG TÁM	TV BKS	16.800.000
11	ĐỖ THỊ TUYẾT HỒNG	"	16.800.000
Công BKS			54.000.000
Chi phí khác			30.000.000
TỔNG CỘNG			360.000.000

B. KẾ HOẠCH THÙ LAO HĐQT & BKS NĂM 2013

HĐQT dự kiến tổng mức thù lao chi trả cho HĐQT và BKS năm 2013 là 306 triệu đồng

1 Thù lao của HĐQT (5 người) là: **240.000.000 đ/năm**

Trong đó:

- Chủ tịch HĐQT 70.000.000 đ/năm
- Phó chủ tịch HDQT 50.000.000 đ/năm
- Thành viên HĐQT (3 người) 120.000.000 đ/năm
- 2. Thù lao của BKS (3 người) **66.000.000 đ/năm**

Trong đó:

- Trưởng ban kiểm soát là 26.000.000 đ/năm
- Thành viên BKS (2 người) 40.000.000 đ/năm

Hội đồng quản trị Công ty cũng xin ý kiến cổ đông thường cho HĐQT và Ban kiểm soát Công ty 5% phần lợi nhuận vượt nếu lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch.

Trân trọng ./.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

BÁO CÁO KẾT QUẢ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 56 TỶ LÊN 81 TỶ

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông, HĐQT Công ty đã tiến hành các thủ tục để tăng vốn điều lệ từ 56 tỷ lên 81 tỷ đồng. Đến nay, việc tăng vốn đã hoàn thành, HĐQT xin báo cáo kết quả tăng vốn với cổ đông Công ty như sau:

I. Cổ phiếu phát hành:

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Hải
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
4. Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành: 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) cổ phiếu. Trong đó:
 - Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu: 1.100.000 cổ phần, theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ 56 : 11.
 - Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 1.400.000 cổ phần với giá bán 10.000 đồng/cổ phần, theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ 4 : 1.
5. Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến: 14.000.000.000 (mười bốn tỷ)
6. Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng ngày 28/09/2012.
7. Ngày bắt đầu chào bán: 19/10/2012
8. Ngày kết thúc chào bán: 07/12/2012
9. Thời hạn đăng ký mua cổ phần và nộp tiền mua cổ phần: Từ ngày 19/10/2012 đến ngày 07/12/2012.

II. Tổ chức bảo lãnh phát hành: Không có.

III. Đại lý phân phối: Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng.

IV. Kết quả phát hành cổ phiếu:

Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 2.499.979 cổ phần, chiếm 99,99% tổng số cổ phiếu được phép phát hành. Trong đó:

- Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu: 1.099.979 cổ phần. Số cổ phiếu lẻ được hủy bỏ là 29 cổ phần.
- Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 1.068.800 cổ phần với giá bán 10.000 đồng/cổ phần. Số cổ phần cổ đông từ chối mua là 331.180 cổ phần và số cổ phần lẻ phát sinh trong quá trình phân phối cổ phiếu là 20 cổ phần.

- Chào bán số cổ phần cổ đông hiện hữu từ chối mua cho cổ đông và nhà đầu tư có nhu cầu: 331.180 cổ phần. Trong đó, chào bán cho cổ đông 150.000 cổ phần với giá 12.000 đồng/cổ phần và chào bán cho Công đoàn Công ty 181.180 cổ phần với giá 10.000 đồng/cổ phần.

v. Tổng hợp kết quả đợt phát hành cổ phiếu:

- Tổng số cổ phiếu đã phân phối: **2.499.951** cổ phiếu, chiếm **99,99 %** tổng số cổ phiếu được phép phát hành.
- Tổng số tiền thu được từ việc bán cổ phiếu: **14.299.510.000** đồng.

1. Cơ cấu vốn của tổ chức phát hành sau đợt phát hành:

Danh mục	Số cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tổng vốn điều lệ		80.999.510.000 đồng	100%
Cơ cấu cổ đông		8.099.951	100%
Cổ đông lớn (<i>nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết</i>)	3	3.015.322	37,23%
Cổ đông nắm giữ từ 1% đến dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	15	2.871.875	35,46%
Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	123	2.212.754	27,31
- Cổ phiếu quỹ
Trong đó			
- Nhà nước	1	1.189.383	14,68%
- Người nước ngoài	0	0	0

2. Danh sách và tỉ lệ sở hữu của các cổ đông lớn sau đợt phát hành

STT	Cổ đông lớn	Tổng số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	LÊ THỊ BÍCH THỦY	1.215.000	15,00%
2	VÔN NHÀ NƯỚC	1.189.383	14,68%
3	TRẦN THIỆN HẢI	610.939	7,54%

vi. Mục đích sử dụng vốn

Công ty đã sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ việc phát hành để bổ sung vốn lưu động phục vụ việc sản xuất kinh doanh của Công ty.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

TRẦN THIỆN HẢI

TP. Bạc Liêu, ngày ... tháng 3 năm 2013

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG PHIÊN HỌP THƯỜNG NĂM 2013 TỔ CHỨC NGÀY 12/04/2013

(Về việc phát hành thêm cổ phiếu theo Phương thức chào bán riêng lẻ và niêm yết cổ phiếu)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp năm 2005, Luật Chứng khoán năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán năm 2010;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Hải;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 11/04/2013

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Phương án phát hành thêm cổ phần theo phương thức chào bán cổ phần riêng lẻ và niêm yết cổ phiếu như sau:

I. PHÁT HÀNH THÊM CỔ PHẦN

1. Chứng khoán phát hành

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Hải.
- Vốn điều lệ hiện tại : 80.999.510.000 đồng.
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành: 120.999.510.000 đồng.
- Số cổ phần phát hành thêm : 4.000.000 cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần).
- Loại cổ phần phát hành : Cổ phần phổ thông.
- Phương thức phát hành : Chào bán riêng lẻ.
- Giá chào bán : Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán trên cơ sở thương lượng với nhà đầu tư nhưng không thấp hơn 13.000 đồng/cổ phần.

2. Mục đích phát hành

Công ty thực hiện tăng vốn nhằm các mục đích:

- Bổ sung nguồn vốn lưu động của Công ty nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho kế hoạch hoạt động kinh doanh trong năm 2013 và 2014.
- Đáp ứng điều kiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

3. Đối tượng chào bán

Cổ phần chào bán cho các nhà đầu tư:

- Có kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh liên quan đến hoạt động của Công ty hoặc có năng lực tài chính;
- Đáp ứng các điều kiện hạn chế chuyên nhượng cổ phần theo quy định của pháp luật (tối thiểu một năm).

4. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành

- Công ty dự kiến tổng số tiền tối thiểu thu được từ đợt phát hành là 52 tỉ đồng. Toàn bộ số tiền thu được (sau khi trừ chi phí phát hành) sẽ được sử dụng để bổ sung cho nguồn vốn lưu động của Công ty.
- Thời gian giải ngân dự kiến: Ngay sau khi thu được tiền bán cổ phần. Dự kiến từ Quý 3/2013.
- Trường không chào bán hết số cổ phần trong thời hạn theo quy định của pháp luật và không huy động đủ nguồn vốn cổ phần như dự kiến, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động tìm nguồn vốn thay thế với chi phí sử dụng vốn hợp lý nhất.
- Trong trường hợp cần phải thay đổi mục đích sử dụng vốn, ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện theo phương án có lợi cho Công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật. Sau đó báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông trong cuộc họp gần nhất.

5. Thực hiện

Đại hội đồng cổ đông Công ty ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để thực hiện phát hành cổ phần trong thời gian sớm nhất. Thời gian thực hiện bắt đầu từ Quý 2/2013.
- Lựa chọn các nhà đầu tư trên cơ sở các tiêu chí nêu trên và chủ động quyết định số cổ phần chào bán cho nhà đầu tư trong giới hạn số cổ phần phát hành thêm và trong thời hạn phát hành theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ với Cơ quan đăng ký kinh doanh sau khi kết thúc đợt phát hành.
- Thực hiện các công việc có liên quan khác (nếu có) để chào bán cổ phần.

II. NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

1. Mục đích:

Việc thực hiện niêm yết cổ phiếu của Công ty nhằm các mục đích sau:

- Tuân thủ quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Gia tăng tính thanh khoản của cổ phiếu, thuận tiện cho cổ đông trong quá trình chuyển nhượng cổ phần;
- Quảng bá hình ảnh của Sea Minh Hải.

2. Cổ phiếu niêm yết:

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông của Công ty đến thời điểm Công ty lập Hồ sơ đăng ký niêm yết.

3. Thực hiện:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Chọn thời điểm thích hợp để niêm yết cổ phiếu của Công ty.
- Lựa chọn Sở Giao dịch chứng khoán để niêm yết cổ phiếu phù hợp với quy mô vốn của Công ty.
- Thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để thực hiện niêm yết toàn bộ cổ phiếu của Công ty.
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (nếu có những điều khoản chưa phù hợp với Điều lệ mẫu) cho phù hợp với Điều lệ mẫu áp dụng cho các Công ty niêm yết hoặc theo yêu cầu của Sở Giao dịch Chứng khoán.
- Các công việc khác liên quan đến việc niêm yết cổ phiếu (nếu có).

Trân trọng kính trình.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

TRẦN THIỆN HẢI